

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN AN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-01-2023  
V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

Ông Trương Văn Xưa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hồ Diễm T, sinh năm 19XY;

Cư trú tại: Số AB Ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1990;

Cư trú tại: Số XY Ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà T và ông N đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hồ Diễm T trình bày:*

Bà T và ông Nguyễn Hoàng N tiến tới hôn nhân do tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2010 ngày 31 tháng 5 năm 2010. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bên gia đình chồng và hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn chơi, nghiện hút ma túy, qua lại với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với vợ con. Dù bà T và gia đình ông N đã nhiều lần khuyên

can nhưng ông N vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi tốt hơn. Sự việc đã kéo dài nhiều năm. Bà T và hai con về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2019 đồng thời vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Minh H, sinh ngày XY tháng X năm 20YY và Nguyễn Hoàng Nhật M, sinh ngày AB tháng Y năm 20XX do bà T nuôi dưỡng từ khi mới sinh ra cho đến hiện tại. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Bà T xác định vợ chồng bà T ông N không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Vụ án được Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, ông N không hợp tác trong suốt quá trình tố tụng. Nhận thấy hai người đã ly thân một thời gian dài, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Minh H, sinh ngày XY tháng X năm 20YY và Nguyễn Hoàng Nhật M, sinh ngày AB tháng Y năm 20XX và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là yêu cầu phù hợp nguyện vọng của các con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Hồ Diễm T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Hoàng N cư ngụ xã N, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại nơi cư trú nhưng ông N vắng mặt trong suốt quá trình xét xử. Nguyên đơn bà Hồ

Diễm T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Hồ Diễm T thấy rằng:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Diễm T và ông Nguyễn Hoàng N tiến tới hôn nhân do tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 5 năm 2010. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông N tại địa phương nơi hai người sinh sống nhưng chính quyền địa phương không nắm được sự việc. Theo bà T trình bày thể hiện: sau khi kết hôn, bà T và ông N chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông N không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn chơi, nghiện hút ma túy, quan hệ lãng nhăng với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với vợ con mặc dù đã được gia đình nhiều lần khuyên can. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng ông N vẫn không thay đổi tốt hơn.

[6] Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông N không đến Tòa án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều đó cho thấy ông N không còn thiết tha tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và xây dựng đời sống hôn nhân gia đình với bà T.

[7] Từ nhận định tại [5] và [6] cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ông N đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N.

[8] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông N có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Minh H, sinh ngày XY tháng X năm 20YY và Nguyễn Hoàng Nhật M, sinh ngày AB tháng Y năm 20XX, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này phù hợp nguyện vọng của các con và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm : Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Diễm T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.
2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên XY tháng X năm 20YY và Nguyễn Hoàng Nhật M, sinh ngày AB tháng Y năm 20XX cho bà Hồ Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Diễm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001854 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- UBND xã N, tp. Tân An  
(nơi thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Toàn Vẹn**